

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày: 19/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu L

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 369/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Trọng Q**, tên gọi khác: Không- Sinh ngày 16/9/1993

Nơi ĐKKHKT: Xóm L, xã Y, huyện ĐT, tỉnh TN.

Chỗ ở trước khi phạm tội: Tổ 12, phường G, thành phố TN, tỉnh TN. Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Dương Văn H (đã chết) và bà Lục Thị H, sinh năm 1973; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; chưa có vợ con.

- Tiền án, Tiền sự: Không

- Nhân thân: Tại bản án số 326/2023/HSST ngày 15/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xử phạt Dương Trọng Q 24 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Bị cáo bị giam giữ ngày 08/8/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

*** Bị hại:**

1, Anh Lê Văn C sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố TN, tỉnh TN

2, Chị Lê Hồng H, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, thị trấn HT, huyện ĐH, tỉnh TN

3, Chị Đặng Thu H, sinh năm 1997 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã AK, huyện ĐT, tỉnh TN

4, Chị Nông Thị V, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm P, xã TL, thành phố TQ, tỉnh TQ

5, Anh Nông Văn L, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện CM, tỉnh BK

6, Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu Xuân A, phường V, thành phố BN, tỉnh BN

7, Anh Đinh Quang D, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố CT, phường TT, thành phố PY, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/5/2019, Dương Trọng Q ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần phần mềm Citigo (ngày 03/3/2023 đổi tên thành Công ty cổ phần công nghệ KiotViet), địa chỉ: Số 1B Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Q làm việc tại Phòng kinh doanh chi nhánh Thái Nguyên, nhiệm vụ là tìm kiếm khách hàng, tư vấn dịch vụ phần mềm quản lý bán hàng “KiotViet”. Khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ thì Q đại diện Công ty ký hợp đồng, nhận tiền mua phần mềm từ khách hàng rồi bàn giao lại cho Công ty. Ngày 25/01/2023, Q tự viết đơn xin thôi việc, cùng ngày Công ty có Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với Q. Trong thời gian làm việc tại Công ty, Q biết Công ty có chính sách cho khách hàng cài đặt dùng thử phần mềm quản lý bán hàng "KiotViet" miễn phí trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cài đặt. Do nợ nần nhiều nên Q đã nảy sinh ý định giả danh là nhân viên của Công ty cổ phần công nghệ KiotViet đi tư vấn bán phần mềm, Q cài phần mềm dùng thử cho khách hàng nhưng nói dối là phần mềm dài hạn khiến khách hàng tin tưởng giao tiền cho Q rồi chiếm đoạt tiền của khách. Với phương thức, thủ đoạn nêu trên, trong thời gian từ ngày 03/02/2023 đến ngày 14/6/2023, Q đã chiếm đoạt được tiền của 07 khách hàng với tổng số tiền là 34.100.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Do biết anh Lê Văn C (Sinh năm 1986, HKTT: Tổ 4, phường T thành phố TN) có nhu cầu mua phần mềm quản lý bán hàng "KiotViet" nên ngày 30/01/2023, Q sử dụng số điện thoại 0965.233.961 gọi điện cho anh C, Q tự xưng là nhân viên Công ty Citigo rồi kết bạn qua mạng xã hội Zalo để nói chuyện với anh C. Q nói với anh C là hiện nay Công ty Citigo có chương trình khuyến mại mua phần mềm quản lý bán hàng KiotViet thời hạn 05 năm với giá là 7.000.000 đồng.

Ngày 03/02/2023, Q đến nhà anh C ở Tổ 4, phường T thành phố TN để tư vấn và cài phần mềm "KiotViet" bản dùng thử trong thời hạn 10 ngày cho anh C. Do tin tưởng Q là nhân viên Công ty Citigo và tin Q cài đặt phần mềm dài hạn cho mình nên anh C đã chuyển số tiền 7.000.000 đồng vào tài khoản số 160993555 Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) mang tên Dương Trọng Q để mua phần mềm KiotViet thời hạn 05 năm. Sau 10 ngày sử dụng thì phần mềm báo sắp hết hạn, anh C liên hệ với Công ty Citigo thì được thông báo là hiện nay Q đã nghỉ việc, Công ty không nhận được số tiền mua phần mềm của anh C. Số tiền chiếm đoạt được của anh C, Q sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Anh C nhiều lần yêu cầu Q trả tiền nhưng hiện nay Q chưa trả. Anh C yêu cầu Q trả cho anh số tiền 7.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Năm 2020, Dương Trọng Q là nhân viên tư vấn phần mềm quản lý bán hàng “KiotViet” của Công ty Citigo cho chị Lê Hồng H (Sinh năm 1993, HKTT: Xóm Đ, thị trấn HT, huyện ĐH, tỉnh TN). Tháng 03/2023, chị H có nhu cầu mua phần mềm cho chi nhánh ở thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên nên chị H gọi vào số điện thoại 0965.233.961 cho Q. Tuy không còn là nhân viên Công ty KiotViet nhưng Q nói dối chị H là Công ty đang khuyến mại cho khách hàng mở tài khoản dùng trong 02 năm với giá là 3.240.000 đồng. Do tin tưởng Q vẫn là nhân viên Công ty KiotViet và tin Q cài đặt phần mềm dài hạn cho mình nên ngày 03/3/2023, chị H đã chuyển số tiền 3.240.000 đồng vào tài khoản số 160993555, Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) mang tên Dương Trọng Q để mua phần mềm KiotViet thời hạn 02 năm. Q cài phần mềm "KiotViet" bản dùng thử trong thời hạn 10 ngày cho chị H sử dụng. Sau 10 ngày sử dụng thì phần mềm báo sắp hết hạn, chị H liên hệ với Công ty KiotViet thì được biết Q đã nghỉ việc, Công ty không nhận được số tiền mua phần mềm của chị H. Số tiền chiếm đoạt được của chị H, Q sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Chị H nhiều lần đòi tiền Q nhưng Q không trả nên chị có đăng bài tố cáo Q có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản lên mạng xã hội facebook, Q sợ bị cơ quan Công an phát hiện nên ngày 18/3/2023, Q đã trả lại cho chị H số tiền 3.240.000 đồng. Chị H đã nhận được tiền, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- **Vụ thứ ba:** Khoảng đầu tháng 3/2023, anh Đinh Quang D (Sinh năm 1994, HKTT: Tổ dân phố C, phường T, thành phố PY, tỉnh TN) có nhu cầu sử dụng phần mềm quản lý bán hàng của Công ty KiotViet nên anh D liên hệ với Dương Trọng Q để mua phần mềm. Tuy không còn là nhân viên Công ty KiotViet nhưng Q vẫn nói dối mình là nhân viên Công ty và tư vấn giá của phần mềm quản lý bán hàng trong 02 năm là 3.820.000 đồng, anh D đồng ý. Ngày 03/3/2023, Q đến cửa hàng của anh D để cài phần mềm "KiotViet" bản dùng thử trong thời hạn 10 ngày rồi đưa cho anh D sử dụng. Do tin tưởng Q là nhân viên Công ty KiotViet và tin Q cài đặt phần mềm dài hạn cho mình nên anh D đã đưa trực tiếp số tiền 3.800.000 đồng cho Q (Q giảm cho anh D 20.000 đồng). Sau khoảng 10 ngày, anh D không sử dụng được phần mềm nên liên hệ với Công ty KiotViet thì được biết Q đã nghỉ việc, Công ty không nhận được số tiền mua phần mềm của anh D. Số tiền chiếm đoạt được của

anh Dũng, Q sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Anh D nhiều lần yêu cầu Q trả tiền, tuy nhiên hiện nay Q chưa trả. Anh D yêu cầu Q trả lại cho anh số tiền 3.800.000 đồng.

Vụ thứ tư: Do có nhu cầu sử dụng phần mềm quản lý bán hàng của Công ty KiotViet nên ngày 03/3/2023, anh Nông Văn L (Sinh năm 1990, HKTT: Thôn N, xã N huyện CM, tỉnh BK) đã liên hệ với Dương Trọng Q qua mạng xã hội zalo để mua phần mềm. Tuy không còn là nhân viên Công ty KiotViet nhưng Q vẫn nói dối mình là nhân viên Công ty và tư vấn giá phần mềm quản lý bán hàng trong 03 năm là 5.480.000 đồng, anh L đồng ý. Ngày 05/3/2023, Q đến cửa hàng của anh L để cài phần mềm “KiotViet” bản dùng thử trong thời hạn 10 ngày rồi đưa cho anh L sử dụng. Do tin tưởng Q là nhân viên Công ty KiotViet và tin Q cài đặt phần mềm dài hạn cho mình nên anh L đã chuyển số tiền 5.480.000 đồng vào số tài khoản 160993555, Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) mang tên Dương Trọng Q. Sau khoảng 10 ngày, anh L không sử dụng được phần mềm nên liên hệ với Công ty KiotViet thì được biết Q đã nghỉ việc, Công ty không nhận được số tiền mua phần mềm của anh L. Số tiền chiếm đoạt được của anh L, Q sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Anh L nhiều lần yêu cầu Q trả tiền, tuy nhiên hiện nay Q chưa trả. Anh L yêu cầu Q trả lại cho anh số tiền 5.480.000 đồng.

- **Vụ thứ năm:** Khoảng đầu tháng 3/2023, anh Nguyễn Văn C (Sinh năm 1983, HKTT: Khu Xuân ở A, phường V, thành phố BN, tỉnh BN) có nhu cầu sử dụng phần mềm quản lý bán hàng của Công ty KiotViet nên anh C liên hệ với Dương Trọng Q qua mạng xã hội zalo để mua phần mềm. Tuy không còn là nhân viên Công ty KiotViet nhưng Q vẫn nói dối mình là nhân viên Công ty và tư vấn giá của phần mềm quản lý bán hàng trong 02 năm là 3.820.000 đồng, anh C đồng ý. Ngày 08/3/2023, Q đến cửa hàng của anh C để cài phần mềm “KiotViet” bản dùng thử trong thời hạn 10 ngày rồi đưa cho anh C sử dụng. Do tin tưởng Q là nhân viên Công ty KiotViet và tin Q cài đặt phần mềm dài hạn cho mình nên anh C đã chuyển số tiền 3.820.000 đồng vào số tài khoản 160993555, Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) mang tên Dương Trọng Q. Sau khoảng 10 ngày, anh C không sử dụng được phần mềm nên liên hệ với Công ty KiotViet thì được biết Q đã nghỉ việc, Công ty không nhận được số tiền mua phần mềm của anh C. Số tiền chiếm đoạt được của anh C, Q sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Anh C nhiều lần yêu cầu Q trả tiền, tuy nhiên hiện nay Q chưa trả. Anh C yêu cầu Q trả lại cho anh số tiền 3.820.000 đồng.

- **Vụ thứ sáu:** Khoảng tháng 02/2023, chị Nông Thị V (Sinh năm 1995, HKTT: Xóm P, xã T L, thành phố TQ, tỉnh TQ) có nhu cầu sử dụng phần mềm bán hàng của Công ty KiotViet nên chị V liên hệ với Q qua mạng xã hội zalo để mua phần mềm. Tuy không còn là nhân viên Công ty KiotViet nhưng Q vẫn nói dối mình là nhân viên Công ty và tư vấn giá của phần mềm quản lý bán hàng trong 02 năm là 6.000.000 đồng, chị V đồng ý. Ngày 18/3/2023, Q đến cửa hàng của chị V để cài phần mềm “KiotViet” bản dùng thử trong thời hạn 10 ngày rồi đưa cho chị V sử dụng. Do tin tưởng Q là nhân viên Công ty KiotViet và tin Q cài đặt phần

mềm dài hạn cho mình nên chị V đã chuyển số tiền 6.000.000 đồng vào tài khoản 160993555, Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) mang tên Dương Trọng Q. Sau khoảng 10 ngày, chị V không sử dụng được phần mềm nên liên hệ với Công ty KiotViet thì được biết Q đã nghỉ việc, Công ty không nhận được số tiền mua phần mềm của chị V. Số tiền chiếm đoạt được của chị V, Q sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Chị V nhiều lần yêu cầu Q trả tiền, tuy nhiên hiện nay Q chưa trả. Chị V yêu cầu Q trả lại cho chị số tiền 6.000.000 đồng.

- **Vụ thứ bảy:** Do biết chị Đặng Thu H (Sinh năm 1997, HKTT: Xóm ĐS, xã AK, huyện ĐT, tỉnh TN) có nhu cầu mua phần mềm quản lý bán hàng của Công ty KiotViet nên ngày 09/6/2023, Q sử dụng số điện thoại 0965.233.961 kết bạn zalo nói chuyện với chị H. Q tự xưng là nhân viên Công ty KiotViet, chị H đặt vấn đề muốn mua 01 bộ máy tính để bàn và phần mềm quản lý bán hàng KiotViet trong thời hạn 02 năm, Q báo giá phần mềm sử dụng trong 02 năm là 4.760.000 đồng và 01 bộ máy tính để bàn có giá 10.365.000 đồng, chị H đồng ý. Ngày 12/6/2023, theo yêu cầu của Q, chị H chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản số 160993555, Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) mang tên Dương Trọng Q để đặt cọc. Ngày 14/6/2023, Q mang 01 bộ máy tính đến tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn để lắp đặt cho chị H đồng thời Q cài phần mềm “KiotViet” bản dùng thử trong thời hạn 10 ngày rồi đưa cho chị H sử dụng. Cùng ngày, chị H tiếp tục chuyển nốt số tiền 10.125.000 đồng vào tài khoản nêu trên của Q. Sau 09 ngày sử dụng thì phần mềm báo sắp hết hạn, chị H liên hệ tới Công ty KiotViet thì được biết Q đã nghỉ việc, Công ty không nhận được số tiền mua phần mềm của chị H. Số tiền chiếm đoạt được của chị H, Q sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Chị H nhiều lần yêu cầu Q trả tiền, tuy nhiên hiện nay Q chưa trả. Chị H yêu cầu Q trả lại cho chị số tiền 4.760.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Dương Trọng Q khai nhận rõ hành vi của mình như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Dương Trọng Q đã trả lại cho chị Lê Hồng H số tiền 3.240.000 đồng, chị H đã nhận tiền, không có yêu cầu bồi thường gì thêm; Chị Đặng Thu H yêu cầu Q bồi thường cho chị số tiền 4.760.000 đồng; Anh Lê Văn Cyêu cầu Dương Trọng Q bồi thường cho anh số tiền 7.000.000 đồng; chị Nông Thị V yêu cầu Q bồi thường cho chị số tiền 6.000.000 đồng; anh Nông Văn L yêu cầu Q bồi thường cho anh số tiền 5.480.000 đồng; anh Nguyễn Văn C yêu cầu Q bồi thường cho anh số tiền 3.820.000 đồng; anh Đinh Quang Dyêu cầu Q bồi thường cho anh số tiền 3.800.000 đồng, đến nay Q chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 368/CT-VKSTPTN, ngày 24/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Dương Trọng Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Trọng Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo tù tháng đến 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với chị Lê Hồng H đã nhận lại số tiền 3.240.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không xem xét. Buộc bị cáo bồi thường cho anh Lê Văn Csố tiền 7.000.000 đồng; Bồi thường cho anh Đinh Quang Dsố tiền 3.800.000 đồng; Bồi thường cho anh Nông Văn L số tiền 5.480.000 đồng; Bồi thường cho chị Nông Thị V số tiền 6.000.000 đồng; Bồi thường cho chị Đặng Thu H số tiền 4.760.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị về phần án phí và tuyên Q kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và bị hại không tranh luận gì. Lời nói sau cùng, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong điều tra, truy tố:* Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại là anh Nguyễn Văn C, anh Nông Văn L, chị Đặng Thu H, chị Lê Hồng H. Xét thấy, các bị hại đều đã được cơ quan điều tra lấy lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa.

[2]. *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do nợ nần nhiều nên Dương Trọng Q (từng là nhân viên công ty cổ phần

công nghệ Kiotviet) lợi dụng công ty cổ phần công nghệ Kiotviet đang có chương trình dùng thử miễn phí phần mềm quản lý bán hàng trong thời hạn 10 ngày nên khoảng thời gian từ 03/2/2023 đến 14/6/2023 đã dùng thử đoạn gian dối nói mình là nhân viên của công ty cổ phần công nghệ Kiotviet, Q cài đặt phần mềm quản lý bán hàng bản dùng thử miễn phí trong thời hạn 10 ngày nhưng nói dối khách hàng là dài hạn khiến khách hàng tin tưởng để chiếm đoạt tiền của anh Đinh Quang Dũng, chị Lê Hồng H, anh Nông Văn L, anh Nguyễn Văn C, chị Nông Thị V, chị Đặng Thu H, tổng số tiền Q chiếm đoạt là 34.100.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 03/02/2023 chiếm đoạt của anh Lê Văn C số tiền 7.000.000 đồng
- Ngày 03/02/2023 chiếm đoạt của chị Lê Hồng H số tiền 3.240.000 đồng
- Ngày 03/03/2023 chiếm đoạt của anh Đinh Quang D số tiền 3.800.000 đồng.
- Ngày 05/02/2023 chiếm đoạt của anh Nông Văn L số tiền 5.480.000 đồng
- Ngày 08/03/2023 chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn C số tiền 3.820.000 đồng
- Ngày 18/03/2023 chiếm đoạt của chị Nông Thị V số tiền 6.000.000 đồng
- Ngày 14/6/2023 chiếm đoạt của chị Đặng Thu H số tiền 4.760.000 đồng

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật quy định như sau:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3]. Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến Q tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4]. Xét các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

Bị cáo là người có nhân thân xấu ngày 15/11/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử về tội cố ý gây thương tích. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bồi thường được một phần số tiền bị cáo chiếm đoạt (bồi thường cho chị Lê Hồng H số tiền đã chiếm đoạt là 3.240.000 đồng). Ngoài ra tại phiên tòa các bị hại Lê Văn C, Đinh Quang Dũng, Nông Thị V xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản

2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố về nhân thân, HĐXX thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo, mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại là 34.100.000 đồng, trong đó chiếm đoạt của anh Lê Văn Csố tiền 7.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Lê Hồng H số tiền 3.240.000 đồng; chiếm đoạt của anh Đinh Quang Dsố tiền 3.800.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nông Văn L số tiền 5.480.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn C số tiền 3.820.000 đồng; chiếm đoạt của chị Nông Thị V số tiền 6.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Đặng Thu H số tiền 4.760.000 đồng. Q đã trả cho chị H số tiền 3.240.000 đồng, chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Các bị hại Lê Văn C, Nguyễn Văn C, Đinh Quang Dũng, Nông Văn L, Nông Thị V, Đặng Thu H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt như nêu trên là có căn cứ. Do vậy, buộc bị cáo bồi thường cho những người bị hại số tiền đã chiếm đoạt cụ thể như sau: Buộc bị cáo bồi thường anh Lê Văn Csố tiền 7.000.000 đồng; anh Đinh Quang Dsố tiền 3.800.000 đồng; anh Nông Văn L số tiền 5.480.000 đồng; anh Nguyễn Văn C số tiền 3.820.000 đồng; chị Nông Thị V số tiền 6.000.000 đồng; chị Đặng Thu H số tiền 4.760.000 đồng.

[6]. Đối với những bị hại công ty cổ phần công nghệ KiotViet còn trình báo Dương Trọng Q có hành vi chiếm đoạt tài sản của Trần Thanh Dung, Phạm Thị Quỳnh, Nguyễn Phương Thảo, anh Thủy, chị Phương, anh Huy nhưng không cung cấp được lại lịch, địa chỉ. Quá trình điều tra không đủ căn cứ để xác định những người này nên cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo và bị hại có Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bồi các lẽ trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Dương Trọng Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 38 Bộ luật Hình sự, Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Trọng Q 18(Mười tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 24 (Hai mươi bốn) tháng tù giam tại bản án số 326/2023/HS-ST ngày 15/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo công tác thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Dương Trọng Q bồi thường cho các bị hại: Anh Lê Văn Csố tiền 7.000.000 đồng; anh Đinh Quang D số tiền 3.800.000 đồng; anh Nông Văn L số tiền 5.480.000 đồng; anh Nguyễn Văn C số tiền 3.820.000 đồng; chị Nông Thị V số tiền 6.000.000 đồng; chị Đặng Thu H số tiền 4.760.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo Dương Trọng Q không thi hành khoản bồi thường trên cho bị hại thì bị cáo phải chịu lãi suất theo quy định tại các Điều 357; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Dương Trọng Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 1.543.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về Q kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại (anh Lê Văn C, anh Đinh Quang D, chị Nông Thị V) có mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (anh Nguyễn Văn C, Nông Văn L, Đặng Thu H) vắng mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN; Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh TN; VKSND TPTN;
- Công an TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Trại tạm giam CA tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Duyên

